Số: 323/TB-TTYT
Thời gian ký: 21/11/2024 08:05:16 +07:00

Đơn vị: TTYT TX Hoài Nhơn

Mã QHNS: 1047707

Mẫu số: C02 - HD

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG

CÁC KHOẢN TRÍCH NỘP THEO LƯƠNG (1.800.000)

Tháng 11 năm 2024

(Kèm theo thông báo số /TB-TTYT ngày tháng 11 năm 2024)

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Phụ cấp khu vực	% PCTH	Phụ cấp thu hút	Phụ cấp độc hại	Phụ cấp trách nhiệm	% PCTN VK	Phụ cấp TNVK	% PCƯĐN	Phụ cấp Ưu đãi nghề	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	Số tiền nghỉ ốm đau, thai sản			Tổng tiền các khoản phải trừ nghỉ ốm đau, TS	Nghỉ việc không được hưởng các khoản lương và PC khác	BHXH		BHYT		BHTN		KPCĐ	Số thực lĩnh	Ghi chú
																Lương	PCCV	PCTN VK			Trích vào CP (17,5%)	Trừ vào lương (8%)	Trích vào CP (3%)	Trừ vào lương (1,5%)	Trích vào CP (1%)	Trừ vào lương (1%)	Trích vào CP (2%)		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	D
	Phần I		**178.43**	**4.8**	**0.0**	**0%**	**0.0**	**6.0**	**1.8**	**0%**	**0.00**		**67.06**	**258.08**	**464,545,800**	**2,489,250**	**22,500**	**0**	**2,511,750**	**3,662,607**	**57,715,875**	**26,384,400**	**9,894,150**	**4,947,075**	**3,298,050**	**3,298,050**	**6,596,100**	**423,741,918**	
1	Trần Hữu Vinh	V.08.01.02	6.10	0.7								40%	2.72	9.52	17,136,000						2,142,000	979,200	367,200	183,600	122,400	122,400	244,800	15,850,800	
2	Nguyễn Hoàng	V.08.01.03	4.98	0.6								40%	2.23	7.81	14,061,600						1,757,700	803,520	301,320	150,660	100,440	100,440	200,880	13,006,980	
3	Huỳnh Hiền	V.08.05.12	4.32	0.3								40%	1.85	6.47	11,642,400						1,455,300	665,280	249,480	124,740	83,160	83,160	166,320	10,769,220	
4	Lê Văn Toàn	V.11.06.14	3.99										0.00	3.99	7,182,000						1,256,850	574,560	215,460	107,730	71,820	71,820	143,640	6,427,890	
5	Bùi Thị Thanh Huyền Thảo	V.01.02.03	3.06					0.2					0.00	3.26	5,868,000						963,900	440,640	165,240	82,620	55,080	55,080	110,160	5,289,660	
6	Nguyễn Xuân Trường	06.031	4.32	0.4					0.2				0.00	4.92	8,856,000						1,486,800	679,680	254,880	127,440	84,960	84,960	169,920	7,963,920	
7	Cao Thanh Sang	06.031	3.99	0.3									0.00	4.29	7,722,000	299,250	22,500	0	321,750	0	1,351,350	617,760	231,660	115,830	77,220	77,220	154,440	6,589,440	Ô 1 ngày
8	Trần Thị Bích Phượng	06.032	3.96										0.00	3.96	7,128,000						1,247,400	570,240	213,840	106,920	71,280	71,280	142,560	6,379,560	
9	Nguyễn Thúy Kiều	06a.031	3.65										0.00	3.65	6,570,000						1,149,750	525,600	197,100	98,550	65,700	65,700	131,400	5,880,150	
10	Nguyễn Thị Kim Định	06.031	2.67										0.00	2.67	4,806,000						841,050	384,480	144,180	72,090	48,060	48,060	96,120	4,301,370	
11	Phan Thị Hiền Lương	06.031	3.00										0.00	3.00	5,400,000						945,000	432,000	162,000	81,000	54,000	54,000	108,000	4,833,000	
12	Nguyễn Thị Thanh Sương	06a.031	3.34						0.1				0.00	3.44	6,192,000						1,052,100	480,960	180,360	90,180	60,120	60,120	120,240	5,560,740	
13	Nguyễn Thị Ánh Duyên	06.032	3.34										0.00	3.34	6,012,000						1,052,100	480,960	180,360	90,180	60,120	60,120	120,240	5,380,740	
14	Huỳnh Thị Yến Vi	06.032	1.79										0.00	1.79	3,213,000						562,275	257,040	96,390	48,195	32,130	32,130	64,260	2,875,635	
	Cộng		**52.51**	**2.30**	**0.000**	**0.000**	**0.000**	**0.20**	**0.30**	**0.000**	**0.00**		**6.80**	**62.11**	**111,789,000**	**299,250**	**22,500**	**0**	**321,750**	**0**	**17,263,575**	**7,891,920**	**2,959,470**	**1,479,735**	**986,490**	**986,490**	**1,972,980**	**101,109,105**	
15	Lê Văn Mẫn	V.08.05.12	3.66	0.3				0.2				60%	2.38	6.54	11,764,800					101,739	1,247,400	570,240	213,840	106,920	71,280	71,280	142,560	10,914,621	H 5,5 ngày, Nb 1 ngày
16	Huỳnh Thị Lương	V.08.05.13	3.34					0.2	0.3			60%	2.00	5.84	10,519,200					78,261	1,052,100	480,960	180,360	90,180	60,120	60,120	120,240	9,809,679	Nb 5 ngày
17	Huỳnh Văn Tuất	V.08.01.03	3.66					0.2	0.3			60%	2.20	6.36	11,440,800					258,261	1,152,900	527,040	197,640	98,820	65,880	65,880	131,760	10,490,799	Ct 1 ngày, Nb 0,5 ngày, P 15 ngày
18	Nguyễn Thị Bạn	V.08.05.13	3.34					0.2	0.3			60%	2.00	5.84	10,519,200					93,913	1,052,100	480,960	180,360	90,180	60,120	60,120	120,240	9,794,027	Nb 6 ngày
19	Trịnh Thị Thúy Nga	V.08.05.13	3.34					0.2	0.3			60%	2.00	5.84	10,519,200					78,261	1,052,100	480,960	180,360	90,180	60,120	60,120	120,240	9,809,679	Nb 5 ngày
20	Huỳnh Văn Vân	V.08.07.18	3.99									50%	2.00	5.99	10,773,000						1,256,850	574,560	215,460	107,730	71,820	71,820	143,640	10,018,890	
21	Trịnh Như Hoa	V.08.05.12	3.99									40%	1.60	5.59	10,054,800						1,256,850	574,560	215,460	107,730	71,820	71,820	143,640	9,300,690	
22	Nguyễn Bá Tòng	V.08.05.12	3.99	0.3								40%	1.72	6.01	10,810,800						1,351,350	617,760	231,660	115,830	77,220	77,220	154,440	9,999,990	
23	Nguyễn Thị Anh Tiến	V.08.05.13	3.65					0.2				40%	1.46	5.31	9,558,000					78,261	1,149,750	525,600	197,100	98,550	65,700	65,700	131,400	8,789,889	Nb 5 ngày
24	Lê Nhất Linh	V.08.05.13	3.65					0.2				40%	1.46	5.31	9,558,000					156,522	1,149,750	525,600	197,100	98,550	65,700	65,700	131,400	8,711,628	Nb 4 ngày, P 6 ngày
25	Nguyễn Thị Kim Huệ	V.08.06.16	3.34						0.1			40%	1.34	4.78	8,596,800						1,052,100	480,960	180,360	90,180	60,120	60,120	120,240	7,965,540	
26	Nguyễn Thị Phường	V.08.06.16	3.34									40%	1.34	4.68	8,416,800						1,052,100	480,960	180,360	90,180	60,120	60,120	120,240	7,785,540	Giảm PCTN
27	La Thị Dũng	V.08.06.15	3.99					0.2	0.1			40%	1.60	5.89	10,594,800						1,256,850	574,560	215,460	107,730	71,820	71,820	143,640	9,840,690	Tăng PCTN, PCĐH
28	Phạm Thị Thuý Thu	V.08.06.15	3.66					0.2	0.1			40%	1.46	5.42	9,763,200					117,391	1,152,900	527,040	197,640	98,820	65,880	65,880	131,760	8,954,069	Ct 2 ngày, Nb 5,5 ngày
29	Trần Thị Thường	V.08.06.15	3.66	0.3				0.2				40%	1.58	5.74	10,339,200					133,043	1,247,400	570,240	213,840	106,920	71,280	71,280	142,560	9,457,717	Nb 5,5 ngày, Th 2 ngày, Ct 1 ngày
30	Huỳnh Thị Thu Hiền	V.08.05.12	3.99	0.3				0.2				40%	1.72	6.21	11,170,800					344,348	1,351,350	617,760	231,660	115,830	77,220	77,220	154,440	10,015,642	Tr 1 ngày

31	Nguyễn Thị Tánh	V.08.05.12	3.66					0.2				40%	1.46	5.32	9,583,200					313,043	1,152,900	527,040	197,640	98,820	65,880	65,880	131,760	8,578,417	Tr 3 ngày
32	Nguyễn Thị Kim Phượng	V.08.05.12	3.66					0.2				40%	1.46	5.32	9,583,200					297,391	1,152,900	527,040	197,640	98,820	65,880	65,880	131,760	8,594,069	Tr 4 ngày
33	Nguyễn Thị Lệ Thủy	V.08.06.16	3.34					0.2	0.0			40%	1.34	4.88	8,776,800					313,043	1,052,100	480,960	180,360	90,180	60,120	60,120	120,240	7,832,497	Tr 3 ngày
34	Lê Thị Thuỳ Cầm	V.08.01.02	5.08	0.4				0.2				50%	2.74	8.42	15,156,000					15,652	1,726,200	789,120	295,920	147,960	98,640	98,640	197,280	14,104,628	Nb 1 ngày
35	Nguyễn Trần Khoa	V.08.05.12	3.66	0.3				0.2				40%	1.58	5.74	10,339,200					31,304	1,247,400	570,240	213,840	106,920	71,280	71,280	142,560	9,559,456	Th 2 ngày
36	Trần Thị Mỹ Lân	V.08.05.13	3.65									50%	1.83	5.48	9,855,000	2,190,000	0	0	2,190,000		1,149,750	525,600	197,100	98,550	65,700	65,700	131,400	6,975,150	Ô 8 ngày
37	Nguyễn Thị Nở	V.08.05.13	3.34									50%	1.67	5.01	9,018,000					0	1,052,100	480,960	180,360	90,180	60,120	60,120	120,240	8,386,740	
38	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	V.08.05.13	3.66					0.2				40%	1.46	5.32	9,583,200					46,957	1,152,900	527,040	197,640	98,820	65,880	65,880	131,760	8,844,503	Nb 3 ngày
39	Trịnh Thị Mỹ Luận	V.08.05.13	3.34					0.2				40%	1.34	4.88	8,776,800					78,261	1,052,100	480,960	180,360	90,180	60,120	60,120	120,240	8,067,279	Nb 5 ngày
40	Dương Thành Tứ	V.08.01.03	4.98	0.3				0.4				70%	3.70	9.38	16,876,800					203,478	1,663,200	760,320	285,120	142,560	95,040	95,040	190,080	15,675,402	Nb 2,5 ngày, P 4 ngày
41	Nguyễn Thị Ngọc Hồng	V.08.05.12	3.66					0.4				60%	2.20	6.26	11,260,800					156,522	1,152,900	527,040	197,640	98,820	65,880	65,880	131,760	10,412,538	Nb 5 ngày
42	Võ Thị Lành	V.08.05.13	3.34					0.4				60%	2.00	5.74	10,339,200					172,174	1,052,100	480,960	180,360	90,180	60,120	60,120	120,240	9,535,766	Nb 5,5 ngày
43	Lê Thị Mỹ	V.08.05.13	3.65					0.4				60%	2.19	6.24	11,232,000					125,217	1,149,750	525,600	197,100	98,550	65,700	65,700	131,400	10,416,933	Tăng lương, Nb 4 ngày
44	Nguyễn Trung Thành	V.08.01.03	3.66	0.3								40%	1.58	5.54	9,979,200						1,247,400	570,240	213,840	106,920	71,280	71,280	142,560	9,230,760	
45	Nguyễn Thị Thanh Nga	V.08.01.03	3.66									40%	1.46	5.12	9,223,200						1,152,900	527,040	197,640	98,820	65,880	65,880	131,760	8,531,460	
46	Nguyễn Thị Phường	V.08.05.13	3.34									40%	1.34	4.68	8,416,800						1,052,100	480,960	180,360	90,180	60,120	60,120	120,240	7,785,540	Tăng lương
47	Nguyễn Hồng Quang	V.08.07.18	3.66					0.2				40%	1.46	5.32	9,583,200					203,478	1,152,900	527,040	197,640	98,820	65,880	65,880	131,760	8,687,982	Nb 4 ngày, P 9 ngày
48	Trần Hoà Phương	V.08.07.18	3.99					0.4				40%	1.60	5.99	10,774,800					266,087	1,256,850	574,560	215,460	107,730	71,820	71,820	143,640	9,754,603	Nb 8,5 ngày
	Cộng		**125.92**	**2.50**	**0.00**	**0.00**	**0.00**	**5.80**	**1.50**	**0.00**	**0.00**	**15.90**	**60.26**	**195.98**	**352,756,800**	**2,190,000**	**0**	**0**	**2,190,000**	**3,662,607**	**40,452,300**	**18,492,480**	**6,934,680**	**3,467,340**	**2,311,560**	**2,311,560**	**4,623,120**	**322,632,813**	
	Phần II		**358.62**	**7.0**	**0.0**	**0%**	**0.0**	**11.1**	**3.1**	**15%**	**0.66**		**146.16**	**526.64**	**947,945,700**	**630,000**	**0**	**0**	**630,000**	**6,765,652**	**115,377,413**	**52,743,960**	**19,778,985**	**9,889,493**	**6,592,995**	**6,592,995**	**13,185,990**	**871,323,600**	
49	Lưu Kim Hoàng	V.08.01.02	4.74	0.6									0.00	5.34	9,612,000						1,682,100	768,960	288,360	144,180	96,120	96,120	192,240	8,602,740	Đi học
50	Nguyễn Thị Kim Luyến	V.08.05.12	3.66									40%	1.46	5.12	9,223,200						1,152,900	527,040	197,640	98,820	65,880	65,880	131,760	8,531,460	
51	Đỗ Minh Mẫn	V.08.04.10	3.66									40%	1.46	5.12	9,223,200						1,152,900	527,040	197,640	98,820	65,880	65,880	131,760	8,531,460	
52	Phùng Thị Bích Thủy	V.08.06.16	4.27									40%	1.71	5.98	10,760,400						1,345,050	614,880	230,580	115,290	76,860	76,860	153,720	9,953,370	
53	Nguyễn Thị Thanh Ly	V.05.02.07	0.00										0.00	0.00	0						0	0	0	0	0	0	0	0	Nghỉ TS
54	Võ Thị Hồng Nga	V.08.06.15	3.99	0.4								40%	1.76	6.15	11,062,800						1,382,850	632,160	237,060	118,530	79,020	79,020	158,040	10,233,090	
55	Nguyễn Thị Tiếng	V.08.05.12	3.66									40%	1.46	5.12	9,223,200						1,152,900	527,040	197,640	98,820	65,880	65,880	131,760	8,531,460	
56	Nguyễn Thị Loan	V.08.05.12	3.66									40%	1.46	5.12	9,223,200						1,152,900	527,040	197,640	98,820	65,880	65,880	131,760	8,531,460	
57	Nguyễn Thị Ngọc Hương	V.09.04.03	1.92										0.00	1.92	3,457,800						605,115	276,624	103,734	51,867	34,578	34,578	69,156	3,094,731	Tăng mới
58	Trần Kim Trung	V.08.05.12											0.00	0.00	0						0	0	0	0	0	0	0	0	Nghỉ hưu
59	Lê Thị Diễm My	01.003	3.33										0.00	3.33	5,994,000						1,048,950	479,520	179,820	89,910	59,940	59,940	119,880	5,364,630	
60	Đặng Thị Kim Thi	02.008	2.86										0.00	2.86	5,148,000						900,900	411,840	154,440	77,220	51,480	51,480	102,960	4,607,460	
61	Đinh Văn Đất	01.003	1.99										0.00	1.99	3,580,200						626,535	286,416	107,406	53,703	35,802	35,802	71,604	3,204,279	
62	Huỳnh Văn Chương	01.003	1.99										0.00	1.99	3,580,200						626,535	286,416	107,406	53,703	35,802	35,802	71,604	3,204,279	Tăng mới
63	Trần Thị Thúy Song	06a.031	3.34										0.00	3.34	6,012,000						1,052,100	480,960	180,360	90,180	60,120	60,120	120,240	5,380,740	
	Cộng		**43.07**	**1.0**	**0.000**	**0.000**	**0.000**	**0.000**	**0.000**	**0.000**	**0.00**		**9.32**	**53.39**	**96,100,200**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**13,881,735**	**6,345,936**	**2,379,726**	**1,189,863**	**793,242**	**793,242**	**1,586,484**	**87,771,159**	
64	Nguyễn Công Tráng	V.08.01.02	4.74	0.4				0.2				60%	3.08	8.42	15,163,200					70,435	1,619,100	740,160	277,560	138,780	92,520	92,520	185,040	14,121,305	Nb 4,5 ngày
65	Trần Văn Thu	V.08.01.02	5.08	0.3				0.2				60%	3.23	8.81	15,854,400					62,609	1,694,700	774,720	290,520	145,260	96,840	96,840	193,680	14,774,971	Nb 4 ngày
66	Nguyễn Thị Bích Hạnh	V.08.01.03	2.67					0.2	0.3			60%	1.60	4.77	8,589,600						841,050	384,480	144,180	72,090	48,060	48,060	96,120	8,084,970	
67	Trương Thị Thuý Giang	V.08.01.03	2.67										0.00	2.67	4,806,000						841,050	384,480	144,180	72,090	48,060	48,060	96,120	4,301,370	Đi học
68	Lê Thị Thanh Tâm	V.08.05.13	3.66					0.2	0.3			60%	2.20	6.36	11,440,800					62,609	1,152,900	527,040	197,640	98,820	65,880	65,880	131,760	10,686,451	Nb 4 ngày
69	Trương Thị Dư	V.08.05.13	3.65					0.2	0.3			60%	2.19	6.34	11,412,000					93,913	1,149,750	525,600	197,100	98,550	65,700	65,700	131,400	10,628,237	Nb 6 ngày
70	Phan Thanh Tài	V.08.05.12	2.67					0.2	0.3			60%	1.60	4.77	8,589,600					109,565	841,050	384,480	144,180	72,090	48,060	48,060	96,120	7,975,405	Nb 7 ngày
71	Phan Thị Thanh Nguyệt	V.08.05.13	3.34					0.2	0.3			60%	2.00	5.84	10,519,200					78,261	1,052,100	480,960	180,360	90,180	60,120	60,120	120,240	9,809,679	Nb 5 ngày

72	Nguyễn Thị Mỹ	V.08.05.13	0.00					0.0	0.0			60%	0.00	0.00	0						0	0	0	0	0	0	0	0	Nghỉ Thai sản
73	Đinh Thị Mỹ Hân	V.08.05.12	2.34					0.2	0.3			60%	1.40	4.24	7,639,200					109,565	737,100	336,960	126,360	63,180	42,120	42,120	84,240	7,087,375	Nb 4 ngày, Ct 3 ngày
74	Lưu Thị Nga	V.08.05.13	3.96					0.2	0.3			60%	2.38	6.84	12,304,800					140,870	1,247,400	570,240	213,840	106,920	71,280	71,280	142,560	11,415,490	Nb 3 ngày, P 6 ngày
75	Lâm Thị Thu Thuý	V.08.05.13	2.10					0.2	0.3			60%	1.26	3.86	6,948,000	630,000			630,000	62,609	661,500	302,400	113,400	56,700	37,800	37,800	75,600	5,858,491	DS 4 ngày, Tăng PCU/ĐN, PCĐH, PCTN
76	Trần Xuân Tín	V.08.05.13	1.79										0.00	1.79	3,213,000						562,275	257,040	96,390	48,195	32,130	32,130	64,260	2,875,635	
77	Đặng Anh Tuyền	V.08.01.03	4.98	0.4				0.2		5%	0.25	40%	2.25	8.08	14,545,080					54,783	1,773,135	810,576	303,966	151,983	101,322	101,322	202,644	13,426,416	Nb 3,5 ngày
78	Lưu Trọng Anh	V.08.01.03	2.67									40%	1.07	3.74	6,728,400						841,050	384,480	144,180	72,090	48,060	48,060	96,120	6,223,770	
79	Đỗ Thị Ngọc Hảo	V.08.05.12	3.33					0.2				40%	1.33	4.86	8,751,600					109,565	1,048,950	479,520	179,820	89,910	59,940	59,940	119,880	8,012,665	Nb 5 ngày, Th 2 ngày
80	Nguyễn Thị Mộng Thủy	V.08.05.13	3.34					0.2				40%	1.34	4.88	8,776,800					109,565	1,052,100	480,960	180,360	90,180	60,120	60,120	120,240	8,035,975	Nb 6 ngày, P 1 ngày
81	Phạm Hùng Vương	V.08.03.03	3.33										0.00	3.33	5,994,000						1,048,950	479,520	179,820	89,910	59,940	59,940	119,880	5,364,630	Đi học
82	Nguyễn Văn Chí	V.08.01.03	3.33	0.3				0.2				50%	1.82	5.65	10,161,000					93,913	1,143,450	522,720	196,020	98,010	65,340	65,340	130,680	9,381,017	Tăng lương, Nb 6 ngày
83	Nguyễn Thanh Mai	V.08.01.03	3.33	0.30								40%	1.45	5.08	9,147,600						1,143,450	522,720	196,020	98,010	65,340	65,340	130,680	8,461,530	Tăng mới
84	Trương Thị Kim Chi	V.08.05.13	3.65					0.2				40%	1.46	5.31	9,558,000					78,261	1,149,750	525,600	197,100	98,550	65,700	65,700	131,400	8,789,889	Nb 5 ngày
85	Đinh Văn Phong	V.08.05.12	3.33									50%	1.67	5.00	8,991,000						1,048,950	479,520	179,820	89,910	59,940	59,940	119,880	8,361,630	
86	Lê Thị Thanh Tuyền	V.08.05.12	3.99									50%	2.00	5.99	10,773,000						1,256,850	574,560	215,460	107,730	71,820	71,820	143,640	10,018,890	
87	Phạm Thị Lệ	V.08.05.13	2.10									40%	0.84	2.94	5,292,000						661,500	302,400	113,400	56,700	37,800	37,800	75,600	4,895,100	
88	Phùng Thị Mai Loan	V.08.01.02	5.08	0.4				0.2				40%	2.19	7.87	14,169,600					15,652	1,726,200	789,120	295,920	147,960	98,640	98,640	197,280	13,118,228	Nb 1 ngày
89	Trần Thị An	V.08.01.02	5.08	0.3				0.2				40%	2.15	7.73	13,917,600					133,043	1,694,700	774,720	290,520	145,260	96,840	96,840	193,680	12,767,737	Nb 8,5 ngày
90	Phạm Thị Út Trinh	V.08.01.03	2.67						0.0			40%	1.07	3.74	6,728,400						841,050	384,480	144,180	72,090	48,060	48,060	96,120	6,223,770	
91	Nguyễn Thị Cẩm Thi	V.08.06.15	3.66					0.2	0.1			40%	1.46	5.42	9,763,200					156,522	1,152,900	527,040	197,640	98,820	65,880	65,880	131,760	8,914,938	Nb 7 ngày, P 1 ngày, Ct 2 ngày
92	Nguyễn Thị Hường	V.08.06.16	3.65						0.1			40%	1.46	5.21	9,378,000						1,149,750	525,600	197,100	98,550	65,700	65,700	131,400	8,688,150	
93	Đinh Thị Thơm	V.08.06.16	3.34						0.1			40%	1.34	4.78	8,596,800						1,052,100	480,960	180,360	90,180	60,120	60,120	120,240	7,965,540	
94	Nguyễn Thị Thanh Thuỳ	V.08.06.15	3.66					0.2	0.1			40%	1.46	5.42	9,763,200					133,043	1,152,900	527,040	197,640	98,820	65,880	65,880	131,760	8,938,417	Ct 4 ngày, Nb 4,5 ngày
95	Nguyễn Thị Lắm	V.08.06.16	3.34						0.1			40%	1.34	4.78	8,596,800						1,052,100	480,960	180,360	90,180	60,120	60,120	120,240	7,965,540	
96	Nguyễn Thị Bích Nhị	V.08.06.16	4.06							10%	0.41	40%	1.79	6.25	11,254,320						1,406,790	643,104	241,164	120,582	80,388	80,388	160,776	10,410,246	
97	Huỳnh Thị Kim Xuyến	V.08.06.15	4.98	0.3								40%	2.11	7.39	13,305,600						1,663,200	760,320	285,120	142,560	95,040	95,040	190,080	12,307,680	
98	Nguyễn Thị Thanh Trà	V.08.06.16	4.27						0.1			40%	1.71	6.08	10,940,400						1,345,050	614,880	230,580	115,290	76,860	76,860	153,720	10,133,370	
99	Nguyễn Thị Tuyết	V.08.06.15	3.66						0.1			40%	1.46	5.22	9,403,200						1,152,900	527,040	197,640	98,820	65,880	65,880	131,760	8,711,460	
100	Nguyễn Thanh Đình	V.08.01.02	4.74	0.4				0.2				40%	2.06	7.40	13,312,800					281,739	1,619,100	740,160	277,560	138,780	92,520	92,520	185,040	12,059,601	Tr 5 ngày
101	Ngô Thị Mơ	V.08.01.03	3.99	0.3				0.2				40%	1.72	6.21	11,170,800					328,696	1,351,350	617,760	231,660	115,830	77,220	77,220	154,440	10,031,294	Tăng PCCV, Tr 2 ngày
102	Nguyễn An Khanh	V.08.01.03	4.65					0.2				40%	1.86	6.71	12,078,000					328,696	1,464,750	669,600	251,100	125,550	83,700	83,700	167,400	10,870,454	Tr 2 ngày
103	Nguyễn Thị Thu Hằng	V.08.05.13	2.72					0.2				40%	1.09	4.01	7,214,400					328,696	856,800	391,680	146,880	73,440	48,960	48,960	97,920	6,371,624	Tr 2 ngày
104	Phú Thị Bích Liên	V.08.05.13	2.72					0.2				40%	1.09	4.01	7,214,400					297,391	856,800	391,680	146,880	73,440	48,960	48,960	97,920	6,402,929	Tr 4 ngày
105	Lê Thị Mỹ Diện	V.08.05.13	3.34					0.2				40%	1.34	4.88	8,776,800					313,043	1,052,100	480,960	180,360	90,180	60,120	60,120	120,240	7,832,497	Tr 3 ngày
106	Phạm Thị Loan	V.08.05.13	3.34					0.2				40%	1.34	4.88	8,776,800					297,391	1,052,100	480,960	180,360	90,180	60,120	60,120	120,240	7,848,149	Tr 4 ngày
107	Trương Thị Bích Phượng	V.08.05.13	2.72					0.2				40%	1.09	4.01	7,214,400					328,696	856,800	391,680	146,880	73,440	48,960	48,960	97,920	6,371,624	Tăng lương, Tr 2 ngày
108	Lê Thị Thu Hiền	V.08.05.13	2.10					0.2				40%	0.84	3.14	5,652,000					328,696	661,500	302,400	113,400	56,700	37,800	37,800	75,600	4,926,404	Tr 2 ngày
109	La Thị Nhẫn	V.08.01.03	3.99	0.3				0.2				40%	1.72	6.21	11,170,800						1,351,350	617,760	231,660	115,830	77,220	77,220	154,440	10,359,990	
110	Hồ Dương Phúc	V.08.03.07	3.66									40%	1.46	5.12	9,223,200						1,152,900	527,040	197,640	98,820	65,880	65,880	131,760	8,531,460	
111	Thái Thị Hồng Nhi	V.08.01.03	2.34									50%	1.17	3.51	6,318,000						737,100	336,960	126,360	63,180	42,120	42,120	84,240	5,875,740	
112	Nguyễn Thị Lạc	V.08.05.13	3.34									50%	1.67	5.01	9,018,000						1,052,100	480,960	180,360	90,180	60,120	60,120	120,240	8,386,740	
113	Lê Thị Tuyết Trang	V.08.05.13	3.34					0.2				40%	1.34	4.88	8,776,800					15,652	1,052,100	480,960	180,360	90,180	60,120	60,120	120,240	8,129,888	Tăng lương, Nb 1 ngày
114	La Thị Kiều Diễm	V.08.05.13	2.41									50%	1.21	3.62	6,507,000						759,150	347,040	130,140	65,070	43,380	43,380	86,760	6,051,510	
115	Nguyễn Thị Minh Khá	V.08.05.12	3.99					0.2				40%	1.60	5.79	10,414,800					46,957	1,256,850	574,560	215,460	107,730	71,820	71,820	143,640	9,613,733	Nb 3 ngày

116	Nguyễn Thị Đào	V.08.05.13	3.65					0.2				50%	1.83	5.68	10,215,000					15,652	1,149,750	525,600	197,100	98,550	65,700	65,700	131,400	9,509,498	Nb 1 ngày
117	Trần Thị Nhân	V.08.05.13	1.79										0.00	1.79	3,213,000					0	562,275	257,040	96,390	48,195	32,130	32,130	64,260	2,875,635	
118	Phan Thị Sáu	V.08.01.03	4.32					0.4				70%	3.02	7.74	13,939,200					125,217	1,360,800	622,080	233,280	116,640	77,760	77,760	155,520	12,997,503	Nb 4 ngày
119	Nguyễn Thị Hà	V.08.05.12	3.66	0.3				0.4				60%	2.38	6.74	12,124,800					187,826	1,247,400	570,240	213,840	106,920	71,280	71,280	142,560	11,188,534	Nb 4 ngày, Th 2 ngày
120	Võ Thị Tuyết Nhung	V.08.05.13	3.96					0.4				70%	2.77	7.13	12,837,600					250,435	1,247,400	570,240	213,840	106,920	71,280	71,280	142,560	11,838,725	Nb 3 ngày, P 5 ngày
121	Nguyễn Thị Luyến	V.08.05.13	2.05										0.00	2.05	3,687,300						645,278	294,984	110,619	55,310	36,873	36,873	73,746	3,300,133	Tăng mới
122	Nguyễn Thị Mơ	V.08.05.13	0.00									40%	0.00	0.00	0						0	0	0	0	0	0	0	0	Nghỉ TS
123	Trần Thị Hiệp	V.08.05.12	3.66	0.3								40%	1.58	5.54	9,979,200						1,247,400	570,240	213,840	106,920	71,280	71,280	142,560	9,230,760	
124	Nguyễn Thị Ngọc Bích	V.08.03.07	3.06									40%	1.22	4.28	7,711,200						963,900	440,640	165,240	82,620	55,080	55,080	110,160	7,132,860	
125	Nguyễn Cảnh Lễ	V.08.01.03	4.32									40%	1.73	6.05	10,886,400						1,360,800	622,080	233,280	116,640	77,760	77,760	155,520	10,069,920	
126	Võ Thị Hồng Nhung	V.08.07.19	2.72									40%	1.09	3.81	6,854,400						856,800	391,680	146,880	73,440	48,960	48,960	97,920	6,340,320	
127	Phan Công Hồng	V.08.07.18	3.00									40%	1.20	4.20	7,560,000						945,000	432,000	162,000	81,000	54,000	54,000	108,000	6,993,000	
128	Cao Thanh Toàn	V.08.08.22	3.66	0.4								40%	1.62	5.68	10,231,200						1,278,900	584,640	219,240	109,620	73,080	73,080	146,160	9,463,860	
129	Nguyễn Tấn Phương	V.05.02.08	3.26					0.2				0%	0.00	3.46	6,228,000						1,026,900	469,440	176,040	88,020	58,680	58,680	117,360	5,611,860	
130	Nguyễn Thị Kim Cúc	V.08.08.23	3.99					0.2				40%	1.60	5.79	10,414,800						1,256,850	574,560	215,460	107,730	71,820	71,820	143,640	9,660,690	
131	Nguyễn Thị Hằng	V.08.08.23	3.34									40%	1.34	4.68	8,416,800						1,052,100	480,960	180,360	90,180	60,120	60,120	120,240	7,785,540	
132	Thái Thị Sương	V.08.08.23	3.34									40%	1.34	4.68	8,416,800						1,052,100	480,960	180,360	90,180	60,120	60,120	120,240	7,785,540	Tăng lương
133	Trần Quang Thành	V.08.08.23	3.66									40%	1.46	5.12	9,223,200						1,152,900	527,040	197,640	98,820	65,880	65,880	131,760	8,531,460	
134	Võ Thị Kim Phượng	V.08.08.23	3.33									40%	1.33	4.66	8,391,600						1,048,950	479,520	179,820	89,910	59,940	59,940	119,880	7,762,230	
135	Võ Thị Ái Vân	V.08.08.23	3.34					0.2				40%	1.34	4.88	8,776,800					70,435	1,052,100	480,960	180,360	90,180	60,120	60,120	120,240	8,075,105	Ct 3 ngày
136	Nguyễn Thị Vân	V.08.08.22	2.67									40%	1.07	3.74	6,728,400						841,050	384,480	144,180	72,090	48,060	48,060	96,120	6,223,770	
137	Nguyễn Đình Cường	V.08.08.22	2.67									40%	1.07	3.74	6,728,400						841,050	384,480	144,180	72,090	48,060	48,060	96,120	6,223,770	
138	Nguyễn Thị Minh Hiếu	V.08.05.11	4.74	0.3								40%	2.02	7.06	12,700,800						1,587,600	725,760	272,160	136,080	90,720	90,720	181,440	11,748,240	
139	Nguyễn Thị Hóa	V.08.05.13	3.34									40%	1.34	4.68	8,416,800						1,052,100	480,960	180,360	90,180	60,120	60,120	120,240	7,785,540	
140	Nguyễn Thành Hoàng	V.08.05.12	4.32					0.2				40%	1.73	6.25	11,246,400					101,739	1,360,800	622,080	233,280	116,640	77,760	77,760	155,520	10,328,181	Nb 1,5 ngày, P 5 ngày
141	Ngô Thị Minh Thao	V.08.05.12	4.32					0.0				40%	1.73	6.05	10,886,400						1,360,800	622,080	233,280	116,640	77,760	77,760	155,520	10,069,920	
142	Nguyễn Thị Kim Ngọc	V.08.05.13	1.79										0.00	1.79	3,213,000						562,275	257,040	96,390	48,195	32,130	32,130	64,260	2,875,635	
143	Huỳnh Văn Tân	V.08.07.18	4.32					0.3				40%	1.73	6.35	11,426,400					117,391	1,360,800	622,080	233,280	116,640	77,760	77,760	155,520	10,492,529	Nb 5 ngày
144	Nguyễn Thanh Yên	V.08.07.18	3.66					0.2				40%	1.46	5.32	9,583,200					31,304	1,152,900	527,040	197,640	98,820	65,880	65,880	131,760	8,860,156	Nb 2 ngày
145	Trần Thị Thu Tiết	V.08.07.18	3.33	0.3				0.2				40%	1.45	5.28	9,507,600					172,174	1,143,450	522,720	196,020	98,010	65,340	65,340	130,680	8,649,356	H 11 ngày
146	Nguyễn Hồng Vân	V.08.07.18	4.98					0.3				60%	2.99	8.27	14,882,400					82,174	1,568,700	717,120	268,920	134,460	89,640	89,640	179,280	13,859,006	Nb 3,5 ngày
147	Lê Thị Hồng Nhung	V.08.07.18	3.66					0.3				70%	2.56	6.52	11,739,600					82,174	1,152,900	527,040	197,640	98,820	65,880	65,880	131,760	10,965,686	Ct 2 ngày, Nb 1,5 ngày
148	Nguyễn Thị Thật	V.08.06.16	3.65									40%	1.46	5.11	9,198,000					0	1,149,750	525,600	197,100	98,550	65,700	65,700	131,400	8,508,150	
149	Phan Thị Thùy	V.08.06.16	3.65					0.1				40%	1.46	5.21	9,378,000					7,826	1,149,750	525,600	197,100	98,550	65,700	65,700	131,400	8,680,324	P 1 ngày
150	Nguyễn Thị Ánh Trúc	V.08.06.13	3.34					0.1				40%	1.34	4.78	8,596,800					15,652	1,052,100	480,960	180,360	90,180	60,120	60,120	120,240	7,949,888	P 2 ngày
151	Trần Thành Kiếm	V.08.07.19	3.65					0.4				40%	1.46	5.51	9,918,000					532,174	1,149,750	525,600	197,100	98,550	65,700	65,700	131,400	8,695,976	Nb 7 ngày, P 10 ngày
152	Huỳnh Hữu Phước	V.08.01.02	4.74	0.3				0.1				40%	2.02	7.16	12,880,800					31,304	1,587,600	725,760	272,160	136,080	90,720	90,720	181,440	11,896,936	Tăng PCCV, Nb 4 ngày
153	Nguyễn Đình Dũng	V.08.01.02	5.08	0.4				0.1				40%	2.19	7.77	13,989,600					3,913	1,726,200	789,120	295,920	147,960	98,640	98,640	197,280	12,949,967	P 0,5 ngày
154	Trần Thị Phượng	V.08.07.18	3.66					0.2				40%	1.46	5.32	9,583,200					54,783	1,152,900	527,040	197,640	98,820	65,880	65,880	131,760	8,836,677	Nb 3,5 ngày
155	Nguyễn Hữu Quãng	V.08.07.18	3.00					0.4				40%	1.20	4.60	8,280,000					313,043	945,000	432,000	162,000	81,000	54,000	54,000	108,000	7,399,957	Nb 10 ngày
	Cộng		**315.55**	**6.00**	**0.00**	**0.00**	**0.00**	**11.10**	**3.10**	**0.15**	**0.66**	**38.20**	**136.84**	**473.25**	**851,845,500**	**630,000**	**0**	**0**	**630,000**	**6,765,652**	**101,495,678**	**46,398,024**	**17,399,259**	**8,699,630**	**5,799,753**	**5,799,753**	**11,599,506**	**783,552,441**	
	Tổng cộng I+II		**537.05**	**11.8**	**0.0**	**0%**	**0.0**	**17.1**	**4.9**		**0.66**		**213.22**	**784.72**	**1,412,491,500**	**3,119,250**	**22,500**	**0**	**3,141,750**	**10,428,259**	**173,093,288**	**79,128,360**	**29,673,135**	**14,836,568**	**9,891,045**	**9,891,045**	**19,782,090**	**1,295,065,518**	

Tổng số tiền bằng chữ : Một tỷ hai trăm chín mươi lăm triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm mười tám đồng chẵn.

Đơn vị: TTYT TX Hoài Nhơn

Mã QHNS: 1047707

Mẫu số: C02 - HD

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG
CÁC KHOẢN TRÍCH NỘP THEO LƯƠNG (1.800.000)

Tháng 11 năm 2024

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Mã ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Phụ cấp khu vực	% PCTH	Phụ cấp thu hút	Phụ cấp độc hại	Phụ cấp trách nhiệm	% PCTN VK	Phụ cấp TNVK	% PCƯĐN	Phụ cấp Ưu đãi nghề	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	Số tiền nghỉ ốm đau, thai sản			Tổng tiền các khoản phải trừ nghỉ ốm đau, TS	Nghỉ việc không được hưởng các khoản PC khác	BHXH		BHYT		BHTN		KPCĐ	Số thực lĩnh	Ghi chú
																Lương	PCCV	PCTN VK			Trích vào CP (17,5%)	Trừ vào lương (8%)	Trích vào CP (3%)	Trừ vào lương (1,5%)	Trích vào CP (1%)	Trừ vào lương (1%)	Trích vào CP (2%)		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	D
1	Nguyễn Tấn Trung	1,005	4.03								0.00		0.00	4.03	7,254,000						1,269,450	580,320	217,620	108,810	72,540	72,540	145,080	6,492,330	
	Cộng		**4.03**	**0.0**	**0.0**	**0%**	**0.0**	**0.0**	**0.0**		**0.00**		**0.00**	**4.03**	**7,254,000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1,269,450**	**580,320**	**217,620**	**108,810**	**72,540**	**72,540**	**145,080**	**6,492,330**	

Tổng số tiền bằng chữ ***: Sáu triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn ba trăm ba mươi đồng chẵn.*** 0

Hoài Nhơn, ngày 08 tháng 11 năm 2024